

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28-9-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hào

Ông Nguyễn Văn Lạc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1979. Hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện nay: Khu phố Y, thị trấn H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Xuân Th1, sinh năm 1976 (1978). Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị Th trình bày:

Bà Th và ông Lê Xuân Th1 tiến đến hôn nhân trên cơ sở quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian thì được sự đồng ý của hai bên gia đình nên hai người tổ chức lễ cưới năm 2000, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/02/2001 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Sau đó vợ chồng làm ăn sinh sống tại khu phố Y, thị trấn H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, làm ăn không thuận lợi nên thường xảy ra việc cự cãi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay, không quan tâm đến nhau. Quá trình chung sống, bà Th và ông Th1 có 02 con chung Lê Thị Anh Th2 (nữ), sinh ngày 29/5/2001 đã trưởng thành có cuộc sống riêng và Lê Xuân Tiến Th3 (nam), sinh ngày 02/02/2007 đang sống cùng bà Th. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà Th không còn tình cảm với ông Th1 nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông Lê Xuân Th1. Về nuôi con chung: Bà Th yêu cầu được nuôi con chung Lê Xuân Tiến Th3 (nam), sinh ngày 02/02/2007 và không yêu cầu ông Th1 cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Lê Thị Anh Th2 (nữ), sinh năm 2001 đã trưởng thành, sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Xuân Th1 thể hiện ý kiến tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 12/5/2022 như sau:

Ông Th1 thống nhất với lời trình bày của bà Th về quá trình tiến đến hôn nhân, vợ chồng có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn, có 02 con chung.

Ông Th1 cho rằng vợ chồng ông chung sống vẫn hạnh phúc, chỉ do làm ăn không thuận lợi mà tình cảm vợ chồng rạn nứt và sống ly thân hơn 01 năm nay. Ông Th1 vẫn còn tình cảm với bà Th nên không đồng ý ly hôn, ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm lo cho các con.

Nếu bà Th kiên quyết ly hôn thì ông Th1 có ý kiến:

Về nuôi con chung: Các con chung cũng đã lớn nên các con có quyền lựa chọn ở với cha hay mẹ. Con sống với ai người đó tự nuôi và bên còn lại không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh của Tòa án:

Chính quyền địa phương nơi cư trú của bà Th và ông Th1 cung cấp thông tin: Bà Th và ông Th1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp X, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nhưng chủ yếu làm ăn, sinh sống tại Khu phố Y, thị trấn H, huyện Vĩnh Hưng. Bà Th và ông Th1 có 02 con chung. Ông Th1 và bà Th thỉnh thoảng có về Ấp X, xã V, huyện Vĩnh Hưng. Về mâu thuẫn giữa hai người thì địa phương không nắm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Th và ông Th1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà Th xin ly hôn vì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đã sống ly thân. Ông Th1 không đồng ý ly hôn, nhưng kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho ông Th1 và bà Th hàn gắn tình cảm vợ chồng tuy nhiên ông Th1 không thể hiện thiện chí và không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà Th cương quyết ly hôn. Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Th và ông Th1 đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th.

Về con chung: Bà Th và ông Th1 có hai con chung, trong đó Lê Thị Anh Th2, sinh ngày 29/5/2001 đã trưởng thành. Đối với con chung tên Lê Xuân Tiến Th3, sinh ngày 02/02/2007 có nguyện vọng sống chung với mẹ, bà Th yêu cầu được nuôi con, còn ông Th1 cũng không có tranh chấp, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của bà Th. Bà Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những cơ sở trên, căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn xin ly hôn của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp X, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Lê Xuân Th1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông Th1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An vào năm 2001 nên đây là hôn nhân hợp pháp, việc bà Th xin ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Th cho rằng quá trình chung sống, giữa bà Th và ông Th1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, làm ăn không thuận lợi dẫn đến vợ chồng thường gây gổ và đã sống ly

thân, hiện không còn tình cảm và không có sự quan tâm đến nhau nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[2.3] Ông Th1 không đồng ý ly hôn với bà Th nhưng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, đồng thời ông Th1 cũng thống nhất về tình trạng hiện tại hai người đã sống ly thân hơn một năm.

[2.4] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Th và ông Th1 đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th.

[3] Về con chung: Bà Th và ông Th1 có hai con chung. Đối với em Lê Thị Anh Th2, sinh năm 2001 đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập nên không xem xét. Đối với em Lê Xuân Tiến Th3, sinh này 02/02/2007, bà Th yêu cầu được nuôi con, ông Th1 không có tranh chấp mà tôn trọng sự lựa chọn của các con nếu phải ly hôn. Em Th3 đang sống chung với bà Th và có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên tiếp tục giao con chung Lê Xuân Tiến Th3 cho bà Th nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do bà Th không yêu cầu ông Th1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị Th.

Về hôn nhân: Bà Vũ Thị Th được ly hôn với ông Lê Xuân Th1.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Xuân Tiến Th3 (nam), sinh ngày 02/02/2007 cho bà Vũ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Vũ Thị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0003678 ngày 04/5/2022 sang tiền án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H. Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện Vĩnh Hưng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh